| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2026
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thu Hường

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đinh Văn Khoan

Bà Dương Thị Hồng Linh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên toà:*** Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số: 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị L, sinh năm 1982, nơi đăng ký thường trú: Thôn Q, xã V, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cước công dân số: 02018200****, ngày cấp: 25/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lường Văn N, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn Q, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 02008000****, ngày cấp: Không có; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Dương Thị L trình bày:

Chị Dương Thị L quen biết với anh Lường Văn N từ năm 2001, yêu nhau được vài tháng thì được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán

địa phương; việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Ngày 25/12/2009 chị Dương Thị L và anh Lường Văn N đăng ký kết hôn tại UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh Lường Văn N ở xã V, tỉnh Lạng Sơn; sinh được 03 con chung gồm Lường Thị L, sinh ngày 26/11/2002, Lường Quỳnh T, sinh ngày 10/01/2013, Lường Ngọc T, sinh ngày 07/10/2014. Cuộc sống vợ chồng những năm đầu vẫn diễn ra bình thường. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021, do anh Lường Văn N không chịu làm gì, thường hay uống rượu, sau khi uống rượu say lại chửi bới vợ con. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị Dương Thị L phải bỏ đi tỉnh Thái Nguyên làm công nhân, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Dương Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lường Văn N. Về con chung: Có 03 con chung tên là Lường Thị L, sinh ngày 26/11/2002, Lường Quỳnh T, sinh ngày 10/01/2013, Lường Ngọc T, sinh ngày 07/10/2014. Hiện nay cháu Lường Thị L đã lập gia đình và sinh sống ở Thái Nguyên, đủ sức khoẻ để nuôi sống bản thân nên chị Dương Thị L không yêu cầu giải quyết. Các con Lường Quỳnh T, Lường Ngọc T đang sống cùng anh Lường Văn N ở thôn Q, xã V, tỉnh Lạng Sơn và đang học trung học cơ sở. Khi ly hôn, chị Dương Thị L yêu cầu anh Lường Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung Lường Quỳnh T, Lường Ngọc T cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Dương Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng/con/tháng (*Một triệu đồng/con/tháng)* cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trường hợp anh Lường Văn N không nhất trí mức cấp dưỡng nêu trên thì chị Dương Thị L nhất trí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

Toà án đã triệu tập anh Lường Văn N đến Toà án để trình bày lời khai về các yêu cầu của nguyên đơn nhưng anh Lường Văn N không có mặt, không có ý kiến trình bày.

Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại Công văn số 705/UBND ngày 27/11/2025, UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Chị Dương Thị L và anh Lường Văn N có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn ngày 25/12/2009, có 03 con chung là Lường Thị L, sinh ngày 26/11/2002, Lường Quỳnh T, sinh ngày 10/01/2013, Lường Ngọc T, sinh ngày 07/10/2014. Tại các biên bản xác minh ngày 09/01/2026 ông Đường Thanh T là Trưởng thôn Q, xã V cho biết: Chị Dương Thị L và anh Lường Văn N kết hôn, chung sống ở thôn Q, xã V, tỉnh Lạng Sơn, có 03 con chung là Lường Thị L, Lường Quỳnh T, Lường Ngọc T; năm 2016 chị Dương Thị L đi làm công nhân, thi thoảng vẫn về nhà nhưng từ năm 2023 đến nay chị Dương Thị L không thấy về nhà lần nào nữa. Ông Lường Văn S là anh trai ruột của bị đơn Lường Văn N cho biết: Chị Dương Thị L và anh Lường Văn N kết hôn năm 2001, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện không bị ai lừa dối, ép buộc, có 03 con chung là Lường Thị L, Lường Quỳnh T, Lường Ngọc T; năm 2016 chị Dương Thị L đi làm công nhân, thi thoảng vẫn về nhà nhưng từ năm 2023 đến nay chị Dương Thị L không thấy về nhà lần nào nữa, vợ chồng hay cãi chửi nhau, mâu thuẫn bất đồng quan điểm; anh Lường Văn N đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng bận không đến Toà án được và nhất trí ly hôn.

Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 09/01/2026, cháu Lường Quỳnh T và cháu Lường Ngọc T đều trình bày các cháu là con đẻ của chị Dương Thị L và anh Lường Văn N, đang sống cùng bố tại xã V, tỉnh Lạng Sơn và đang học tại Trường THCS xã V, tỉnh Lạng Sơn, được bố chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ; các cháu không biết mẹ Dương Thị L ở đâu do mẹ đã bỏ đi mấy năm nay. Cháu Lường Quỳnh T và cháu Lường Ngọc T đều có nguyện vọng sống cùng bố Lường Văn N nếu bố mẹ ly hôn.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 14/01/2026, tuy nhiên anh Lường Văn N vắng mặt, chị Dương Thị L có đơn đề nghị Toà án không hòa giải vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn nhiều lần được Toà án triệu tập nhưng không đến Toà án, không trình bày ý kiến là không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị L, xử cho chị Dương Thị L được ly hôn anh Lường Văn N. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lường Quỳnh T, sinh ngày 10/01/2013, Lường Ngọc T, sinh ngày 07/10/2014 cho anh Lường Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Đối với cháu Lường Thị L đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết. Chị Dương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng mỗi con là 1.850.000 đồng/con/tháng *(Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng/con/tháng)* cho đến khi cháu Lường Quỳnh T, Lường Ngọc T đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết do đương sự trình bày không có. Về án phí, buộc chị Dương Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn Q, xã V, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án triệu tập phiên toà hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả

nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy chị Dương Thị L và anh Lường Văn N có quen biết, yêu nhau, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2009 tại UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Nguyên đơn trình bày vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay không còn tình cảm gì với nhau. Toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Lường Văn N đều không có mặt, không trình bày ý kiến, không tham gia phiên hoà giải, phiên toà; thể hiện không còn nguyện vọng đoàn tụ, không có giải pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Qua xác minh tại địa phương và người thân của anh Lường Văn N đều xác nhận vợ chồng chị Dương Thị L, anh Lường Văn N đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Dương Thị L và anh Lường Văn N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị L.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị L và anh Lường Văn N có 03 con chung tên là Lường Thị L, sinh ngày 26/11/2002, Lường Quỳnh T, sinh ngày 10/01/2013, Lường Ngọc T, sinh ngày 07/10/2014. Hiện nay cháu Lường Thị L đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, lập gia đình và sinh sống ở tỉnh Thái Nguyên; cháu Lường Quỳnh T, Lường Ngọc T đang sống cùng anh Lường Văn N ở thôn Q, xã V, tỉnh Lạng Sơn và đang học trung học cơ sở. Chị Dương Thị L yêu cầu khi ly hôn giao cho anh Lường Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung chưa thành niên Lường Quỳnh T, Lường Ngọc T cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh Lường Văn N không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chưa thành niên, tuy nhiên cháu Lường Quỳnh T, Lường Ngọc T từ nhỏ đến nay vẫn sinh sống cùng anh Lường Văn N tại thôn Q, xã V, tỉnh Lạng Sơn, được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập đầy đủ; chị Dương Thị L hiện đi làm thuê và sống ở tỉnh Thái Nguyên, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Cháu Lường Quỳnh T, Lường Ngọc T đều có nguyện vọng tiếp tục sống cùng bố khi bố mẹ ly hôn nên cần tiếp tục giao cho anh Lường Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lường Quỳnh T, Lường Ngọc T cho đến khi các con đủ 18 tuổi để không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ vị thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Dương Thị L trình bày khi ly hôn chị Dương Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; trường hợp anh Lường Văn N không nhất trí mức cấp dưỡng nêu trên thì chị Dương Thị L nhất trí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lường Văn N không có ý kiến trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con nên xác định là các đương sự không thoả thuận được về mức cấp dưỡng. Do đó, mức cấp dưỡng đối với con chưa thành niên được xác định theo mức lương tối thiểu vùng quy định tại

khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, buộc chị Dương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi con bằng ½ mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 3 Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự trình bày không có.

[7] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Dương Thị L là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 3 Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Dương Thị L được ly hôn anh Lường Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Quỳnh T, sinh ngày 10/01/2013 và cháu Lường Ngọc T, sinh ngày 07/10/2014 cho anh Lường Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Dương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng mỗi con là 1.850.000 đồng/con/tháng (*Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng/con/tháng),* phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Lường Quỳnh T, Lường Ngọc T đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp

nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị L đã nộp 300.000 đồng tiền án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000870 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Chị Dương Thị L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND KV3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS KV3 - Lạng Sơn;
- UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu Hường**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Văn Khoan Dương Thị Hồng Linh** **Hoàng Thị Thu Hường**